

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Đình Ba;

+ Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; *Chức vụ:* Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T; *Chức vụ:* Phó Tổng giám đốc công ty TNHH quản lý tài sản ngân hàng TMCP V, kiêm Phó Giám đốc pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

Người được ủy quyền lại: Ông Mai Hoàng N, sinh năm: 1990 và ông Nguyễn H, sinh năm: 1997; Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng. (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019).

Địa chỉ: Số nhà E, đường F, phường G, quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Tống Đình D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ M, thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Tổ M, thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn H; Vắng mặt ông Tống Đình D và bà Phạm Thị N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/5/2019, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn ngân hàng TMCP V, ông Nguyễn H trình bày như sau: Vào 21/8/2017, ngân hàng TMCP V có cho ông Tống Đình D vay số tiền 106.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn khi cho vay là 32%/năm (tức 2,67%/tháng); Thời hạn cho vay là 24 tháng; Mục đích cho vay là để mua sắm tiêu dùng; Đây là khoản vay tín chấp. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là định kỳ hàng tháng vào ngày 12, kỳ đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/9/2017, phương thức trả nợ là nợ gốc trả dần hàng tháng thông qua nhắn tin qua số điện thoại cho khách hàng về số tiền gốc phải trả mỗi kỳ. Từ ngày vay đến nay, ông D mới chỉ trả được số tiền nợ gốc 4.208.621 đồng và 1.787.435 đồng nợ lãi. Từ đó đến nay, mặc dù phía ngân hàng nhắc nợ nhiều lần nhưng ông D không trả nợ gốc và lãi còn lại cho ngân hàng TMCP V nữa. Nay người được ủy quyền lại của ngân hàng TMCP V, ông Nguyễn H yêu cầu ông Tống Đình D và bà Phạm Thị N phải trả số tiền nợ gốc là 101.791.379 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 61.399.891 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 37.172.864 đồng và lãi quá hạn là 58.682.667 đồng). Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông D và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số CN/VN0010349/201708/63, ngày 21/8/2017.

Theo biên bản xác minh ngày 14/10/2019, đối với ông Nguyễn Minh U, là Phó Trưởng công xã P, trình bày: Ông Tống Đình D, sinh năm: 1982 và bà Phạm Thị N, sinh năm: 1989, hiện có hộ khẩu thường trú tại tổ M, thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay, ông D và bà N đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Tống Đình D và bà Phạm Thị N nhiều lần nhưng các ông, bà vắng mặt nên không thể tiến hành phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổ chức hòa giải; mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ; cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thấy rằng Việc ông Tống Đình D có vay số tiền 106.000.000 đồng với mức lãi suất và thời hạn vay như trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật. Do bà Phạm Thị N là vợ của ông Tống Đình D mà việc ông D vay số tiền này là nhằm phục vụ tiêu dùng trong gia đình. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc ông Tống Đình D và bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 101.791.379 đồng và tiền lãi 61.399.891 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 37.172.864 đồng và lãi quá hạn là 58.682.667 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn người được ủy quyền lại của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện ngân hàng TMCP V là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng vay số CN/VN0010349/201708/63, ngày 21/8/2017. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho nguyên đơn biết nơi cư trú mới, được xem là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào 21/8/2017, Ngân hàng TMCP V có cho ông Tổng Đình D vay số tiền 106.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn khi cho vay là 32%/năm (tức 2,67%/tháng), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tức 48%/năm, tương đương 4%/tháng); Thời hạn cho vay là 24 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân (ngày giải ngân là 24/8/2017); Mục đích cho vay là để mua sắm tiêu dùng; Đây là khoản vay tín chấp. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là định kỳ hàng tháng vào ngày 12, kỳ đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/9/2017, phương thức trả nợ là nợ vay trả dần hàng tháng. Từ ngày vay đến nay, ông D mới chỉ trả được một kỳ với số tiền nợ vay là 4.208.621 đồng và 1.787.435 đồng nợ lãi. Xét thấy hợp đồng tín dụng số CN/VN0010349/201708/63, ngày 21/8/2017, do các bên tự nguyện ký kết, tại thời điểm ký kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Về lãi suất: Căn cứ vào Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và khoản 1, 3, 4 Điều 13 Thông tư số 36/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước thì xác định mức lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất nên được chấp nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về buộc

bị đơn phải trả số tiền nợ vay 101.791.379 đồng và tiền lãi là 61.399.891 đồng là phù hợp.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Tống Đình D và bà Phạm Thị N: Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định vợ, chồng phải có nghĩa vụ liên đới trong trường hợp vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”. Căn cứ hợp đồng tín dụng do phía ngân hàng TMCP V cung cấp, xác định mục đích ông Tống Đình D vay tiền để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên cần buộc bà Phạm Thị N là vợ của ông D phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Tống Đình D phải trả số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn.

Về lãi suất chậm thi hành án: Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông D và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[5] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí DSST và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và khoản 1, 3, 4 Điều 13 Thông tư số 36/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 28 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Tổng Đình D và bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 163.191.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 101.791.379 đồng và tiền lãi là 61.399.891 đồng.

Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông D và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng số CN/VN0010349/201708/63, ngày 21/8/2017.

2. Về án phí:

- Buộc ông Tổng Đình D và bà Phạm Thị N phải liên đới chịu 8.160.000 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí DSST, án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.519.000 đồng (Bốn triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) do ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025632, ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (29/11/2019), bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Lưu HSVA, QĐ./.

Phan Phúc Thị Thu Hà